

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN  
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP  
**TỔNG CÔNG TY  
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1832 /ĐS - KSNB

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019

V/v thực hiện công bố thông tin của  
Tổng công ty ĐSVN theo Nghị định số  
81/2015/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xin báo cáo một số nội dung công bố thông tin như sau:

1. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm và 03 năm gần nhất - Phụ lục số V.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2018 - Phụ lục số VI.

3. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp - Phụ lục số VIII, trong đó:

- Các Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp - Biểu số 2;
- Thống kê các cuộc họp của Hội đồng thành viên - Biểu số 3;
- Thống kê các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng thành viên - Biểu số 4;
- Thống kê các báo cáo của Kiểm soát viên - Biểu số 5;
- Thống kê về các giao dịch với các bên liên quan - Biểu số 6.

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam kính báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Kế hoạch và đầu tư xem xét cho ý kiến chỉ đạo.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm Thông tin - UBQLVNN tại DN (đề b/c);
- Cục Phát triển DN Bộ KHĐT;
- Hội đồng thành viên TCT ĐSVN (đề b/c);
- Các Ban: TCKT, KHKD, QLKCHT;
- Ban Biên tập viên trang TTĐT;
- Lưu: VT, KSNB.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Sỹ Mạnh**

## PHỤ LỤC V

### **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

**TỔNG CÔNG TY  
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
0100105052**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

#### **Năm báo cáo: 2018**

##### **1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:**

- a. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Theo biểu số 1 gửi kèm.
- b. Tình hình thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm của doanh nghiệp, những khoản đầu tư lớn:

- Nguồn Ngân sách Nhà nước cho đầu tư phát triển.

Kế hoạch Đầu tư phát triển rất hạn chế vì vậy vốn bố trí chỉ đáp ứng trả nợ đọng xây dựng cơ bản còn tồn trong giai đoạn 2011 - 2015 và bố trí cho các dự án chuyển tiếp còn dở dang, đến nay đã đạt được những kết quả sau đây:

+ Số vốn bố trí trong năm 2015 nguồn vốn TPCP cho dự án Thay tà vẹt K1, K2, TVS bằng tà vẹt bê tông dự ứng lực, kéo dài đường ga, đặt thêm đường số 3 đối với các ga chỉ có 2 đường đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Thống Nhất là 195 tỷ đồng để trả nợ khối lượng hoàn thành;

+ Hoàn thành 100% trả nợ đọng XDCCB là 584.521 triệu đồng của 03 Dự án thuộc Kế hoạch 1856. (Dự án Lập lại trật tự HLAT trên các tuyến ĐS theo Quyết định số 1856 giai đoạn 2 (2009 - 2013) TDA 1; Dự án “Xây dựng mới 3 cầu Đồng Nai, Tam bạc, Thị Cầu”; Dự án “Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp”;

+ Hoàn thành dự án “Gia cố đảm bảo an toàn cầu Long Biên đến năm 2025” tổng số vốn được bố trí là 230,8 tỷ đồng;

+ Tiếp tục triển khai dự án chuyển tiếp "Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM" số vốn được bố trí trong trung hạn là 454,3 tỷ đồng đã cấp 400,7 tỷ đồng. Đã hoàn thành cải tạo, nâng cấp được 34 cầu, giúp đồng bộ tải trọng, nâng cao an toàn cầu đường sắt và tiết kiệm chi phí vận doanh.

- Nguồn Sự nghiệp kinh tế cho các dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường ngang theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng

Chính phủ.

+ Năm 2015: Vốn đã giao 170 tỷ đồng, trong đó thu hồi vốn ứng trước năm 2012 là 20 tỷ đồng để thi công 133 đường ngang và thanh toán CBĐT 291 đường ngang;

+ Năm 2016 - 2017: Vốn cấp 110 tỷ đồng để thi công 83 đường ngang và làm CBĐT cho 43 đường ngang Cảnh báo tự động lắp cần chắn tự động, 01 đường ngang cải tạo;

+ Năm 2018: 170 tỷ đồng. Thi công 100 đường ngang.

- Vốn Tổng công ty tự huy động.

Trong giai đoạn 2015 -2017, Tổng công ty đã huy động được:

+ 188,4 tỷ đồng để triển khai và hoàn thành dự án lắp đặt thiết bị xử lý chất thải trên toa xe khách và đã chuyển nhượng cho hai Công ty CP vận tải;

+ Triển khai các dự án đầu tư đóng mới toa xe của các Công ty CP vận tải: Thực hiện đóng mới 90 toa xe khách với tổng mức đầu tư là 883 tỷ đồng.

Triển khai các dự án xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng đường sắt không liên quan trực tiếp đến chạy tàu và hợp tác khai thác quỹ nhà, đất như:

+ Các dự án xã hội hóa đầu tư: Bãi hàng ga Yên Viên, Đông Anh. Trong năm 2016 đã đưa vào khai thác bãi hàng ga Đông Anh;

+ Các hoạt động hợp tác khai thác quỹ nhà, đất như 31 Láng Hạ - Hà Nội, xây dựng phương án hợp tác kinh doanh khu đất 136 Hàm Nghi - thành phố Hồ Chí Minh, 107 Trần Hưng Đạo - Hà Nội...: Sau khi hoàn thành cổ phần hóa các Công ty vận tải Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu thực hiện.

c. Những thay đổi chủ yếu trong 3 năm:

Tổng công ty tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường sắt, trong giai đoạn 2015 - 2017 Tổng công ty đã triển khai các biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ từ khâu tổ chức sản xuất đến chất lượng nhân lực và đã có một số thay đổi cơ bản như sau:

- Về kết cấu hạ tầng ĐS: Với nguồn vốn hạn hẹp từ Ngân sách Nhà nước hàng năm dùng cho bảo trì KCHT ĐS và đầu tư phát triển, Tổng công ty đã đầu tư, sửa chữa có trọng điểm và hiệu quả đảm bảo an toàn cho chạy tàu và đáp ứng nhu cầu vận tải như cải tạo nâng cấp nhà ga, phòng đợi, hoàn thành các dự án về thông tin tin hiệu... trong giai đoạn 2015 - 2017 đã đưa vào khai thác thêm ke ga cao, mái che ke ga tại các ga lớn như Nha Trang, Hải Phòng... Công tác đầu tư, sửa chữa nâng cấp KCHTĐS tập trung vào các công trình cầu yếu, hầm yếu, các khu đoạn là nút thắt về mật độ chạy tàu và tải trọng không đồng nhất nhằm tăng năng lực thông qua và tải trọng đoàn tàu...;

- Về vận tải: Tư duy kinh doanh đã có nhiều đổi mới góp phần đưa vận tải phục hồi dần về sản lượng và doanh thu với mục tiêu hướng tới thị trường và khách hàng:

+ Về điều hành GTVT ĐS: Giá điều hành GTVT và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đã được rà soát, tính toán để giảm dần nhằm khuyến khích các công ty khai thác các sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc giảm trực tiếp giá vé, giá cước cho khách hàng;

+ Vận tải hành khách: Những sản phẩm dịch vụ mới đều tiệm cận dần với nhu cầu của khách hàng như ưu tiên giờ đẹp, hành trình chạy tàu hợp lý các khu đoạn ngắn có mật độ hành khách lớn thay vì chạy suốt Hà Nội - Sài Gòn, tập trung đầu tư các đoàn tàu chất lượng cao, từng bước đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ hành khách, lấy hành khách làm đối tượng phục vụ. Một số sản phẩm dịch vụ vận tải mới đã đưa ra thị trường như toa xe giường nằm khoang hai giường, dịch vụ trọn gói từ ga đến các điểm du lịch...;

+ Vận tải hàng hóa: Tập trung khai thác các nguồn hàng lớn tại các mỏ khoáng sản, cảng biển, nhà máy công nghiệp; hợp tác với các hiệp hội vận tải, các đơn vị kinh doanh dịch vụ logistics như Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, Công ty dịch vụ vận tải và thương mại ITL.. hợp tác đầu tư cảng ICD tại các ga đường sắt lớn như Sóng Thần; Yên Viên; Đông Anh...

- Các dự án đóng mới, cải tạo, nâng cấp toa xe của các Công ty cổ phần vận tải đường sắt đã góp phần đáng kể vào việc phát triển SXKD tại các đơn vị công nghiệp.

- Về Tái cơ cấu: Tập trung hoàn thiện “Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2017-2020”. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, kiện toàn nhân sự tại các Công ty CP Vận tải đường sắt Hà Nội và Sài Gòn (từ lãnh đạo quản lý đến các chi nhánh vận tải);

- Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

+ Trong năm 2017, Tổng công ty đã tích cực, chủ động phối hợp làm việc với các Bộ ngành liên quan để hoàn thiện Luật Đường sắt sửa đổi và đã được Quốc Hội thông qua.

+ Xây dựng mới, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với thực tế sản xuất.

d. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến SXKD của doanh nghiệp:

*Thuận lợi:*

- Tổng công ty luôn nhận được sự ủng hộ và quan tâm chỉ đạo sát sao từ Ủy

ban quản lý vốn Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải, Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương và các Bộ ngành liên quan.

- Sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị toàn Tổng công ty cùng tinh thần đoàn kết trong tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty luôn được duy trì và củng cố;

- Tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên lao động Tổng công ty đều quyết tâm đổi mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng công ty lần thứ X hướng tới một Tổng công ty với những bước đột phá để phát triển bền vững, tăng thu nhập, cũng như đóng góp một phần cho sự phát triển của xã hội,...

- Công tác tổ chức sản xuất kinh doanh vận tải có nhiều chuyển biến tích cực, trách nhiệm tập thể, cá nhân được phân định rõ ràng, các công việc được giải quyết kịp thời nên đã tạo động lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Các giải pháp, sáng tạo để công tác tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn đã được phát huy và áp dụng triệt để vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### *Khó khăn:*

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt rất khó khăn nên không có dự án mới nào được triển khai thực hiện, chưa giải quyết triệt để các nút thắt về vận tải.

An toàn giao thông đường sắt vẫn chưa thực sự vững chắc, tuy giảm về số lượng nhưng lại gia tăng về mức độ nghiêm trọng và thiệt hại, đặc biệt là tai nạn tại các đường ngang, lối đi tự mở. Ý thức của người điều khiển các phương tiện tham gia giao thông khi đi qua đường sắt chưa tốt, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong công tác phối hợp đảm bảo trật tự an toàn GTĐS trên địa bàn chưa rõ nét.

Những bất cập về tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh mà đặc biệt là khối vận tải dẫn vẫn còn ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty. Mặt khác, giá nhiên vật liệu liên tục tăng cũng làm ảnh hưởng lớn đến giá thành vận tải đường sắt giảm sức cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác.

Một bộ phận nhỏ cán bộ, người lao động có tư tưởng thụ động, trông chờ, chưa toàn tâm, toàn ý nỗ lực phấn đấu trong công việc, thực hiện chưa nghiêm các quy định, còn hiện tượng cắt xén quy trình, quy phạm...

Năng lực và sức cạnh tranh của các Công ty cổ phần trong ngành còn chưa cao.

Bên cạnh những sự cố khách quan như sập cầu Ghềnh năm 2016, bão lũ năm 2017... làm ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất vận tải thì hiện nay, việc phân khai diện tích đất kết cấu hạ tầng đường sắt và đất cơ sở công nghiệp đường sắt được giao đất không thu tiền và miễn tiền thuê sử dụng đất theo Luật Đường sắt

2017 chưa được thực hiện dứt điểm nên Tổng công ty đang phải chịu mức tiền thuế và tiền chậm nộp thuế nhiều (hơn 500 tỷ đồng) ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty.

đ. Mục tiêu kế hoạch đến năm 2020:

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp lý để phát huy được hiệu quả vận tải đường sắt, hấp dẫn đối với khách hàng đồng thời thu hút được nhà đầu tư tham gia đầu tư vào hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt không liên quan trực tiếp đến chạy tàu như nhà ga, kho, bãi hàng.... Với các khu ga ở các đô thị lớn như: Hà Nội, Vinh, Đồng Hới, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn... sẽ hợp tác đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng các khu ga kết hợp thương mại để phục vụ vận tải đường sắt, kinh doanh tổng hợp và đa dạng hóa các dịch vụ, tiện ích cung cấp để phục vụ khách hàng; gắn kết kinh doanh vận tải đường sắt với kinh doanh ngoài vận tải đường sắt (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại...) tại các nhà ga đường sắt để tạo sự thuận tiện tối đa cho hành khách.

- Đầu tư nâng cấp để khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có. Chú trọng kết nối với các cảng biển, cảng sông, cảng ICD, vận tải đa phương thức, vận tải logistics.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đường sắt, hạ giá thành và bảo đảm an toàn, thuận lợi, tiện nghi, hấp dẫn, thoải mái trong vận tải hành khách; Tập trung đầu tư nâng cấp phương tiện vận tải đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ như phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ vận tải chặng ngắn, hiện đại hóa công tác bán vé và cải thiện chất lượng bữa ăn trên tàu... sẽ tiếp tục duy trì và củng cố. Thực hiện giải pháp hóa đơn điện tử thông qua phần mềm lõi quản trị hàng hóa, phát triển mở rộng hệ thống tiến tới xây dựng sàn giao dịch vận tải hàng hóa bằng đường sắt để thuận tiện, nhanh chóng nắm bắt nhu cầu vận chuyển của khách hàng cũng như việc trao đổi thông tin giữa Nhà vận chuyển và khách hàng nhanh chóng, dễ dàng, chính xác. Tăng cường hợp tác với đường sắt các nước đặc biệt là các nước trong tổ chức OSJD để nâng cao khối lượng vận chuyển hàng LVQT từ Việt Nam sang các ga của ĐSTQ đến các nước thứ ba và ngược lại, đồng thời tham gia hợp tác logistics quốc tế.

- Hoàn thành xây dựng Đề án cải thiện hạ tầng và chất lượng dịch vụ đường sắt quốc gia phục vụ khách du lịch và sẽ triển khai theo kế hoạch của Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải khi được phê duyệt.

**BIỂU SỐ 1**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA**  
**DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện			
			2015	2016	2017	2018
1	Sản phẩm chủ yếu					
a	Tấn xếp	Tấn	6.590.197	5.147.480	5.559.015	5.664.300
b	TKM	1000 Tkm	4.125.401	3.198.180	3.574.704	3.989.675
c	HK	HK	11.176.168	9.827.299	9.518.374	8.687.402
d	HKKm	1000 HKKm	4.149.585	3.421.636	3.657.308	3.542.056
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.572,18	6.753,30	6.982,59	8.252,48
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	147,31	173,48	116,97	224,96
4	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	955,14	808,01	899,73	900,18
5	Kim ngạch XK	Tỷ đồng	-	-	-	-
6	Sản phẩm dịch vụ công ích	Tỷ đồng	2.029	2.166	2.185	2.565
7	Kế hoạch đầu tư phát triển					
-	Nguồn Ngân sách	Tỷ đồng				
	+ Vốn Đầu tư PT	Tỷ đồng	329,7	761,169	216,806	190,0
	+ Vốn SNKT	Tỷ đồng	170,0	110,0		170,0
-	Vốn vay	Tỷ đồng				
-	Vốn Tổng công ty	Tỷ đồng		297,1	586,2	138,5
8	Tổng lao động	Người	29.091	27.490	26.370	25.353
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2.602,9	2.583,1	2.370,1	2.484,0
-	Quỹ lương Q. lý	Tỷ đồng	34,7	40,5	41,6	42,0
-	Quỹ lương LĐ	Tỷ đồng	2.568,2	2.542,6	2.328,8	2.442,0

\* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

*Ghi chú: Các chỉ tiêu 2,3,4 của năm 2018 là số chưa được kiểm toán.*

**2. Tình hình đầu tư tại các công ty con:**

- Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.

**BIỂU SỐ 2**

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

T T	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
	<b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối(cấp 2)</b>												
1	CTCP Xe lửa Dĩ An	30	100%	30	65	86,85%	56	65	86,85%	56	65	86,85%	56
2	CTCP Xe lửa Gia lâm	32	100%	32	36	68,20%	17	36	68,20%	17	36	68,20%	17
3	CTCP Vận tải ĐS Hà Nội	482	100%	482	801	91,62%	734	801	91,62%	734	801	91,62%	734
4	CTCP Vận tải ĐS Sài Gòn	325	100%	325	503	78,44%	395	503	78,44%	395	503	78,44%	395
5	CTCP Đá Đồng Mỏ	7	51%	3	7	51,00%	3	7	51,00%	3	7	51,00%	3
6	CTCP ĐS Thanh Hóa	16	100%	16	21	51,00%	11	21	51,00%	11	21	51,00%	11
7	CTCP ĐS Phú Khánh	15	100%	15	20	51,00%	10	20	51,00%	10	20	51,00%	10
8	CTCP ĐS Yên Lào	21	100%	21	19	51,00%	10	19	51,00%	10	19	51,00%	10
9	CTCP ĐS Vĩnh Phú	12	100%	12	12	51,00%	6	12	51,00%	6	12	51,00%	6
10	CTCP ĐS Hà Thái	8	100%	8	15	51,60%	8	15	51,60%	8	15	51,60%	8
11	CTCP ĐS Hà Hải	12	100%	12	14	51,00%	7	14	51,00%	7	14	51,00%	7
12	CTCP ĐS Hà Ninh	14	100%	14	15	51,00%	8	15	51,00%	8	15	51,00%	8
13	CTCP ĐS Hà Lạng	17	100%	17	17	51,00%	8	17	51,00%	8	17	51,00%	8



14	CTCP ĐS Nghệ Tĩnh	14	100%	14	15	51,00%	8	15	51,00%	8	15	51,00%	8
15	CTCP ĐS Quảng Bình	10	100%	10	18	51,00%	9	18	51,00%	9	18	51,00%	9
16	CTCP ĐS Bình Trị Thiên	9	100%	9	19	51,00%	9	19	51,00%	9	19	51,00%	9
17	CTCP ĐS Q N - Đà Nẵng	10	100%	10	16	51,00%	8	16	51,00%	8	16	51,00%	8
18	CTCP ĐS Nghĩa Bình	9	100%	9	18	51,00%	9	18	51,00%	9	18	51,00%	9
19	CTCP ĐS Thuận Hải	12	100%	12	17	64,50%	11	17	64,50%	11	17	64,50%	11
20	CTCP ĐS Sài Gòn	15	100%	15	20	51,00%	10	20	51,00%	10	20	51,00%	10
21	CTCP TTHH ĐS Bắc Giang	7	100%	7	8	51,00%	4	8	51,00%	4	8	51,00%	4
22	CTCP TTHH ĐS Hà Nội	21	100%	21	23	51,00%	11	23	51,00%	11	23	51,00%	11
23	CTCP TTHH ĐS Vinh	10	100%	10	13	51,00%	7	13	51,00%	7	13	51,00%	7
24	CTCP TTHH ĐS Sài Gòn	24	100%	24	31	75,77%	23	31	75,77%	23	31	75,77%	23
25	CTCP TTHH ĐS Đà Nẵng	6	100%	6	11	51,00%	6	11	51,00%	6	11	51,00%	6

- Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này:

+ Việc sử dụng vốn đúng mục đích, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo ra lợi nhuận; Bảo toàn và phát triển vốn và tài sản của doanh nghiệp.

+ Tổng công ty được chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp có vốn góp và đúng thời hạn quy định.

## PHỤ LỤC VI

### BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY  
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

### I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

#### BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
I	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm					
1	Đường chính	Km	2.530,506	2.530,506	100	100
2	Đường ga	Km	509,300	509,300	100	99
3	Ghi	Bộ	2.266,000	2.266,000	100	100
4	Cầu	100m	601,476	601,476	100	103
5	Cống	100m	845,026	845,026	100	101
6	Hầm	100m	115,642	115,642	100	100
7	Nhà ga, kho ga	100m <sup>2</sup>	2.054,825	2.054,825	100	101
8	Ke ga, bãi hàng	1000m <sup>2</sup>	1.379,227	1.379,227	100	104
9	Điểm gác đường ngang	Điểm	621	621	100	100
10	Đường truyền tải	Km/trục	5.237,479	5.237,479	100	100
11	Trạm tổng đài	Trạm	655,056	655,056	100	100
12	Tín hiệu ra vào ga	Hệ	6.869,910	6.869,910	100	100
13	Thiết bị không chế	Bộ	2.436,264	2.436,264	100	100
14	Thiết bị điều khiển	Đài	7.089,815	7.089,815	100	100
15	Cáp tín hiệu	Km/s	5.563,979	5.563,979	100	100

16	Thiết bị nguồn	Cung	203,022	203,022	100	100
II	Khối lượng, sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu		0	0	0	0
III	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu		0	0	0	0
IV	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng	0	0	0	0
V	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng	2.565.000	2.562.000	99,9	117

## II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường: Luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp: Thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

3. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng: Cam kết bảo đảm lợi ích và chất lượng dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng.

4. Quan hệ tốt với người lao động.

5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp:

Cam kết bảo đảm lợi ích cho cổ đông và chấp hành tốt các quy định hiện hành nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của người lao động.

## PHỤ LỤC VIII

### BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015  
của Chính phủ)

**TỔNG CÔNG TY  
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM  
0100105052**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

#### I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP.

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã báo cáo Biểu số 1 - Phụ lục số VIII tại Văn bản số 1388/ĐS-KNB ngày 13/5/2019.

#### II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP.

##### BIỂU SỐ 2

#### CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh  
doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

T T	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	155/QĐ- BGTVT	18/01/2018	Tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2017.
2	268/QĐ- BGTVT	5/02/2018	Công bố kết quả đánh giá, phân, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 của Chủ tịch và thành viên hội đồng thành viên TCT ĐSVN.
3	939/QĐ- BGTVT	8/5/2018	Cử công chức, viên chức quản lý đi công tác nước ngoài.
4	930/QĐ- BGTVT	7/5/2018	Tặng bằng khen.
5	929/QĐ- BGTVT	7/5/2018	Tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua ngành.
6	1292/QĐ- BGTVT	19/6/2018	Thay đổi thành viên Tổ Đàm phán Hiệp định ĐS biên giới Việt - Trung
7	1370/QĐ- BGTVT	28/6/2018	Giao dự toán chi kinh phí hoạt động kinh tế ĐS từ ngân sách nhà nước năm 2018.
8	1341/QĐ-	26/6/2018	Điều chỉnh kế hoạch chuẩn bị đầu tư và giao kế hoạch

	BGTVT		thực hiện đầu tư công trình nâng cấp, cải tạo đường ngang năm 2018 theo quyết định 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính Phủ.
9	1537/QĐ-BGTVT	18/7/2018	Giao chỉ tiêu để làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty ĐSVN.
10	92/QĐ-BGTVT	18/7/2018	Nâng bậc lương đối với người quản lý.
11	1648/QĐ-BGTVT	2/8/2018	Thành lập đoàn công tác liên ngành đi công tác nước ngoài.
12	1373/QĐ-BGTVT	28/6/2018	Giao bổ sung, điều chỉnh dự toán chi kinh phí hoạt động kinh tế ĐS từ ngân sách nhà nước năm 2018.
13	1884/QĐ-BGTVT	24/8/2018	Cử cán bộ đối tượng 1 tham dự Lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh khóa 72.
14	1906/QĐ-BGTVT	28/8/2018	Ban hành quy trình xác nhận thu, chi trong giai đoạn kinh doanh, khai thác đối với các dự án hạ tầng Giao thông đầu tư theo hình thức BOT do Bộ GTVT là cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
15	1952/QĐ-BGTVT	5/9/2018	Thành lập tổ cố vấn giúp việc Bộ trưởng chỉ đạo về kỹ thuật, công nghệ chất lượng một số dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông.
16	1989/QĐ-BGTVT	11/9/2018	Sửa đổi bổ sung thông tin trong danh sách tặng kỷ niệm chương Vì sự nghiệp phát triển GTVT.
17	1458/QĐ-BGTVT	4/7/2018	Tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp GTVT”.
18	2049/QĐ-BGTVT	20/9/2018	Thành lập đoàn kiểm tra việc chấp hành quy định của nhà nước trong công tác quản lý, sử dụng và thanh lý tài sản thu hồi từ dự án.
19	2333/QĐ-BGTVT	31/10/2018	Dừng thực hiện thí điểm thi tuyển chức danh Phó hiệu trưởng Trường Đại học GTVT TP. HCM
20	2298/QĐ-BGTVT	29/10/2018	Thành lập hội đồng thẩm định nội bộ để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án ĐS Tốc độ cao trên trục Bắc - Nam
21	2159/QĐ-BGTVT	08/10/2018	Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty ĐSVN.
22	2178/QĐ-BGTVT	09/10/2018	Bàn giao tạm thời toàn bộ phần kết cấu nhịp cầu Thăng Long để thực hiện công tác kiểm định và sửa chữa tổng thể phần kết cấu nhịp.
23	2295/QĐ-BGTVT	22/10/2018	Điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu Hạ tầng ĐS quốc gia năm 2018 của Tổng công ty ĐSVN.
24	2514/QĐ-BGTVT	20/11/2018	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục dự án hoàn thành Tiêu dự án Hạ Long - Cảng Cái Lân thuộc dự án Tuyển ĐS Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân.

25	2765/QĐ-BGTVT	14/11/2018	Ban hành kế hoạch của Bộ GTVT trong việc thực hiện nghị quyết số 27/NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 ban chấp hành trung ương khóa 12 và Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ công chức viên chức, lực lượng vũ trang và người Lao động trong doanh nghiệp.
26	2653/QĐ-BGTVT	11/12/2018	Quy chế về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ công chức viên chức quản lý thuộc Bộ GTVT.
27	2726/QĐ-BGTVT	19/12/2018	Thành lập tổ thẩm định kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia năm 2019.
28	2708/QĐ-BGTVT	17/12/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh.
29	2730/QĐ-BGTVT	19/12/2018	Phê duyệt, đề cương, dự toán thẩm tra định mức nhân công bảo trì kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia.
30	1537/QĐ-BGTVT	18/7/2018	Giao chỉ tiêu để làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2018 của Công ty mẹ Tổng công ty ĐSVN.
31	2789/QĐ-BGTVT	24/12/2018	Ban hành chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 của Bộ GTVT.
32	2804/QĐ-BGTVT	25/12/2018	Phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia năm 2019.
33	281/QĐ-UBQLV	28/12/2018	Phê duyệt danh sách người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 tại các tập đoàn.

### III. Hoạt động của Hội đồng thành viên:

#### 1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên:

Hoạt động của Hội đồng thành viên và đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên (Các quyết định, nghị quyết lớn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ như các Quyết định, Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm tài sản, ... Nêu số văn bản và tóm tắt nội dung văn bản).

### BIỂU SỐ 3

#### THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

(Chỉ thống kê các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

T	Thành viên Hội đồng thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Vũ Anh Minh	Chủ tịch	42			100%
2	Ông Vũ Tá Tùng	Thành viên	28			100%

3	Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	14			100%
4	Ông Hồ Hữu Hòa	Thành viên	32			100%
5	Bà Đỗ Thanh Hà	Thành viên	32			100%

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên đối với Tổng Giám đốc.

- Hội đồng thành viên luôn theo dõi sát sao hoạt động của Tổng giám đốc điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc;

- Yêu cầu Tổng giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD;

- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, tổ chức tốt thị trường, rà soát xây dựng lại cơ chế kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường, đặc biệt tổ chức đánh giá hệ thống kho tàng để có chiến lược đầu tư, tăng cường giám sát, quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật: định mức hao hụt, phí qua kho, cước vận chuyển... để gia tăng hiệu quả SXKD;

- Chỉ đạo và giao Người đại diện đối với phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các Công ty cổ phần xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Nhìn chung năm 2018, Ban điều hành Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Người quản lý doanh nghiệp đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, quyết định của HĐQT.

3. Các Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

#### **BIỂU SỐ 4**

### **THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH**

### **CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

*(Chỉ nêu tóm tắt các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung (Trích yếu văn bản)
1	01-18/NQ-HĐTV	15/01/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN tại phiên họp tổng thể công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017 và KH nhiệm vụ SXKD năm 2018.
2	02-18/NQ-HĐTV	13/3/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về hoàn thiện dự thảo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty ĐSVN giai đoạn 2017-2020.

3	03-18/NQ-HĐTV	23/3/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về phương án thoái vốn tại 15 công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty ĐSVN.
4	04-18/NQ-HĐTV	27/3/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về một số nhiệm vụ trong SXKD và kết cấu hạ tầng.
5	05-18/NQ-HĐTV	30/3/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN về công tác nhân sự.
6	06-18/NQ-HĐTV	04/09/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về phương án sử dụng đất tại 80 Lý Thường Kiệt và 22 Phan Bội Châu Hà Nội.
7	07-18/NQ-HĐTV	16/4/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về công tác nhân sự.
8	08-18/NQ-HĐTV	05/03/2018	Nghị Quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về kết luận của thanh kiểm tra, Kiểm toán.
9	09-18/NQ-HĐTV	30/5/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về công tác An toàn GTĐS.
10	10-18/NQ-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về kế hoạch triển khai nguồn vốn trung hạn và một số vấn đề khác.
11	11-18/NQ-HĐTV	30/8/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về công tác nhân sự tại một số đơn vị thuộc Tổng công ty.
12	12-18/NQ-HĐTV	17/9/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về công tác nhân sự tại các đơn vị và của Tổng công ty Đường sắt Việt nam.
13	13-18/NQ-HĐTV	27/9/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về công tác nhân sự tại các đơn vị và của Tổng công ty Đường sắt Việt nam.
14	14-18/NQ-HĐTV	10/01/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về điều chỉnh công tác nhân sự.
15	15-18/NQ-HĐTV	11/01/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về phương án triển khai các dự án Đường sắt quan trọng, cấp bách sử dụng nguồn vốn dự phòng của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.



16	16-18/NQ-HĐTV	12/05/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và một số vấn đề về vốn trung hạn.
17	17-18/NQ-HĐTV	24/12/2018	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về dự thảo báo cáo của Tổng công ty ĐSVN báo cáo đoàn kiểm tra 878-Ủy ban kiểm tra TW.

#### IV. HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP.

##### 1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên.

Kiểm soát viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ theo chương trình công tác năm 2018 được phê duyệt như:

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng thành viên, Ban điều hành Tổng công ty ĐSVN trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh;
- Việc thực hiện các dự án đầu tư, Hợp đồng mua bán vay trong năm 2018;
- Kiểm tra việc triển khai thực hiện thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty (không chi phối);
- Kiểm tra công tác tổ chức thực hiện bảo trì ĐS, công tác đảm bảo An toàn giao thông đường sắt.

Trong năm 2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN đã có nhiều giải pháp trong quản lý điều hành đối với từng lĩnh vực, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý kinh doanh vận tải đường sắt, đầu tư chiến lược, mở rộng liên doanh liên kết. Đối với khối công nghiệp, khối hạ tầng đã có nhiều giải pháp chỉ đạo sát sao thu được kết quả đáng khích lệ.

##### 2. Các báo cáo của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên:

#### BIỂU SỐ 5

#### THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

*(Chỉ nêu tóm tắt các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Số công văn	Ngày tháng	Nội dung ( Trích yếu văn bản )
1	04/KSV	03/05/2018	Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán và hồ sơ, tài liệu liên quan về kiểm soát viên chuyên trách của Tổng công ty ĐSVN (lần 2).
2	05/KSV	03/08/2018	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Kiểm soát viên tại TCT ĐSVN (từ 17/10/2017 đến 31/12/2017 và kết quả SXKD năm 2017 của TCT ĐSVN).

3	06/KSV	19/3/2018	Xây dựng chương trình công tác năm 2018.
4	07/KSV	28/3/2018	Phê duyệt chương trình công tác năm 2018.
5	13/KSV	16/4/2018	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Kiểm soát viên Tổng công ty ĐSVN Quý 1/2018.
6	21/KSV	15/7/2018	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của KSV chuyên trách TCT ĐSVN Quý II và 6 tháng đầu năm 2018.
7	24/KSV	24/9/2018	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2017.
8	26/KSV	15/10/2018	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của KSV chuyên trách TCT ĐSVN Quý III và 9 tháng đầu năm 2018.
9	27/KSV	29/11/2018	Báo cáo văn bản số 12/ UBQLV-CNHT.
10	28/KSV	28/12/2018	Báo cáo tình hình hoạt động của Tổng công ty ĐSVN.

#### V. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.
2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

#### BIỂU SỐ 6

#### THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty CPĐS Yên Lào	HĐ đặt hàng số 01/2019/HĐ- BDTX	100.371
2	Công ty CPĐS Vĩnh Phú	HĐ đặt hàng số 02/2019/HĐ- BDTX	103.294
3	Công ty CPĐS Hà Thái	HĐ đặt hàng số 03/2019/HĐ- BDTX	104.857
4	Công ty CPĐS Hà Lạng	HĐ đặt hàng số 04/2019/HĐ- BDTX	135.799
5	Công ty CPĐS Hà Hải	HĐ đặt hàng số 05/2019/HĐ- BDTX	153.129

6	Công ty CPĐS Hà Ninh	HĐ đặt hàng số 06/2019/HĐ- BDTX	131.666
7	Công ty CPĐS Thanh Hóa	HĐ đặt hàng số 07/2019/HĐ- BDTX	124.024
8	Công ty CPĐS Nghệ Tĩnh	HĐ đặt hàng số 08/2019/HĐ- BDTX	128.789
9	Công ty CPĐS Quảng Bình	HĐ đặt hàng số 09/2019/HĐ- BDTX	134.599
10	Công ty CPTTTH ĐS Bắc Giang	HĐ đặt hàng số 10/2019/HĐ- BDTX	37.181
11	Công ty CPTTTH ĐS Hà Nội	HĐ đặt hàng số 11/2019/HĐ- BDTX	109.374
12	Công ty CPTTTH ĐS Vinh	HĐ đặt hàng số 12/2019/HĐ- BDTX	69.999
13	Công ty CPĐS Bình Trị Thiên	HĐ đặt hàng số 13/2019/HĐ- BDTX	163.045
14	Công ty CPĐS Quảng Nam - Đà Nẵng	HĐ đặt hàng số 14/2019/HĐ- BDTX	133.736
15	Công ty CPĐS Nghĩa Bình	HĐ đặt hàng số 15/2019/HĐ- BDTX	160.893
16	Công ty CPTTTH ĐS Đà Nẵng	HĐ đặt hàng số 16/2019/HĐ- BDTX	99.091
17	Công ty CPĐS Phú Khánh	HĐ đặt hàng số 17/2019/HĐ- BDTX	190.167
18	Công ty CPĐS Thuận Hải	HĐ đặt hàng số 18/2019/HĐ- BDTX	108.338
19	Công ty CPĐS Sài Gòn	HĐ đặt hàng số 19/2019/HĐ- BDTX	159.288
20	Công ty CPTTTH ĐS Sài Gòn	HĐ đặt hàng số 20/2019/HĐ- BDTX	100.361

